QUAN HỆ HỢP TÁC AN NINH - QUỐC PHÒNG VIỆT NAM VÀ TRUNG QUỐC Ở KHU VỰC BIÊN GIỚI VIỆT-TRUNG TỪ NĂM 1950 ĐẾN NĂM 1979

PHẠM THỊ VƯỢNG*

Tháng 1-1950, Việt Nam và Trung Quốc chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao. Sự kiện này không chỉ đánh dấu mốc quan hệ giữa hai nhà nước, hai chính phủ, mà còn là tiền đề quan trọng cho quan hệ biên giới Việt Nam - Trung Quốc phát triển trên tất cả các lĩnh vực. Trong đó, quan hệ hợp tác an ninh-quốc phòng ở khu vực biên giới Việt-Trung là một trong những vấn đề quan trọng và đã đạt được một số kết quả. Tuy nhiên, bảo vệ an ninh-quốc phòng ở khu vực biên giới Việt-Trung luôn là một thách thức rất lớn đối với cả hai nước. Trong phạm vi giới hạn của bài viết, chúng tôi chỉ tập trung vào nội dung quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và Trung Quốc trong công tác phòng và chống tội phạm ở khu vực biên giới Việt-Trung từ năm 1950 đến năm 1979.

Việt Nam và Trung Quốc có chung đường biên giới trên đất liền trải dài hơn 1.200 km, tiếp giáp với 145 xã, 19 thị trấn, thuộc 27 huyện của 6 tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn, Lào Cai, Hà Giang, Quảng Ninh và Lai Châu (Việt Nam) (1) với tỉnh Vân Nam và Khu tự trị dân tộc Choang tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc). Lợi dụng địa hình phức tạp của biên giới, các nhóm gián điệp, biệt kích, thổ phỉ, phản cách mạng và tội phạm của cả hai nước thường cư trú và hoạt động ở địa bàn biên giới Việt-Trung. Do vậy, vấn đề hợp tác phòng và chống tội phạm ở khu vực biên giới là một trong những nội dung quan trọng trong quan hệ hợp tác an ninh-quốc phòng giữa Việt Nam và Trung Quốc.

1. Vài nét về tình hình an ninh trật tự trên khu vực biên giới Việt-Trung

Công tác phòng và chống tội phạm ở khu vực biên giới Việt - Trung thường diễn biến rất phức tạp và khó kiểm soát. Bao gồm tiểu phỉ, chống gián điệp đặc vụ, gián điệp biệt kích, phản động, chống buôn lậu, trộm cắp... gây mất trật tự an ninh, quốc phòng khu vực biên giới.

Nhằm chống phá chính phủ Việt Nam, các nhóm gián điệp đặc vụ, gián điệp biệt kích phản động tay sai của Pháp-Mỹ thường lợi dụng địa bàn biên giới Việt-Trung để hoạt động. Một mặt, các nhóm này câu kết với nhóm phản cách mạng địa phương, mặt khác câu kết với nhóm tàn quân của Trung hoa Dân quốc tăng cường chống phá cách mạng hai nước. Sau khi Trung Quốc giải phóng Hoa Nam, tàn quân của Trung hoa Dân quốc, nhóm đặc vụ và phản cách mạng ở Trung Quốc chạy sang

* ThS. Viện Sử học

khu vực Mường Tè, tỉnh Lai Châu câu kết với các nhóm phản động địa phương Việt Nam, tiến hành điều tra tình báo, xây dựng cơ sở phản cách mạng, lập căn cứ vũ trang, gây bạo loạn ở vùng biên giới. Trong những năm 1959-1964, Trung Quốc tiến hành chiến dịch "Tam phản", "ngũ phản", xã hội Trung Quốc có nhiều biến động. Số lượng phần tử xấu, phần tử phản cách mạng chạy sang biên giới Việt Nam càng tăng. Năm 1959 có hơn 600 phần tử xấu chạy sang, trong đó có gần 100 tên đặc vụ, hàng chục tên côn đồ, mang theo 25 súng tiểu liên, 6 trung liên và hơn 600 súng trường (2). Nhóm này đã móc nối với gần 1.500 tên phỉ, một số đặc vụ, gián điệp chỉ điểm ở các địa phương, ráo riết hoạt động phá hoại an ninh biên giới. Nhóm này còn lập ra "Nhân dân đảng" ở Phong Thổ (Lai Châu), tổ chức phản động ở Bản Lầu (Lào Cai), bí mật xây dựng cơ sở ở dọc tuyến biên giới. Các nhóm Quốc dân đảng bị thất bại ở Yên Bái, Lào Cai cũng chạy lên vùng Phong Thổ chiếm giữ vùng đất biên giới để chống lại cách mạng Việt Nam. Khu vực biên giới Việt-Trung trở thành nơi trú chân cho các phần tử phản cách mạng hoạt động chống phá cách mạng hai nước.

Trên mỗi vùng biên đều có hoạt động của thổ phỉ, nhất là vùng Tây Bắc. Thời điểm đế quốc Mỹ tăng cường mở rộng chiến tranh leo thang ra miền Bắc, nhóm thổ phỉ vùng biên giới thường bắt liên lạc với nhóm phản cách mạng nội địa hoạt động chống phá Đảng Cộng sản Việt Nam. Nhóm phản cách mạng, biệt kích, gián điệp, thổ phỉ ở hai bên biên giới thường xuyên hoạt động lén lút, tung các luận điệu tuyên truyền phản động. Nhóm này chủ yếu "tuyên truyền tâm lý chiến", đề cao Mỹ, xuyên tạc đường lối chống Mỹ cứu nước của nhân dân Việt Nam, phá hoại sản xuất, tung dư luận gây ra những nghi ngờ giữa nhân dân biên giới Việt Nam và Trung Quốc... Chúng còn tổ chức mua vũ khí, cất giấu súng đạn, xây dựng cơ sở bí mật, móc nối đường dây liên lạc ở khu vực biên giới, chờ thời cơ tiến vào nội địa.

Tình trạng trộm cắp, buôn lậu, cờ bạc, nghiện hút... cũng thường xuyên xảy ra ở khu vực biên giới. Đối tượng buôn lậu, trộm cắp không chỉ là nhóm tội phạm chuyên tổ chức buôn lậu qua biên giới, mà còn có cả những người dân sinh sống ở khu vực biên giới. Điều này càng gây khó khăn cho công tác quản lý biên giới.

2. Một số Hiệp định về hợp tác an ninh-quốc phòng biên giới Việt - Trung

Từ thực tế đó, Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Trung Quốc rất chú ý đến công tác giữ gìn trật tự, an ninh khu vực biên giới, đặc biệt là công tác phòng và chống tội phạm. Tháng 12-1952, Việt Nam và Trung Quốc đã kí kết bản "*Hiệp định phối hợp công tác biên phòng*" gồm 3 Điều, trong đó có nội dung về hợp tác điều tra, bắt xét, dẫn giải những can phạm. Đến năm 1953, Bản "*Hiệp nghị phối hợp công tác biên phòng*" được Việt Nam và Trung Quốc kí bổ sung, gồm 6 Điều. Lần này, Bản Hiệp nghị đề cập rất chi tiết về việc hợp tác "Điều tra bắt xét xử, dẫn giải người can phạm hai bên ở các tỉnh biên giới Việt-Trung". Theo đó, Hiệp nghị quy định: Người Việt Nam phạm tội ở Trung Quốc do Chính phủ Trung Quốc xét xử theo pháp luật Trung Quốc, người Trung Quốc phạm tội ở Việt Nam do Chính phủ Việt Nam xét xử theo pháp luật Việt Nam; Đối với những vụ án về trật tự xã hội có liên quan đến khu vực biên giới bên kia thì công an cấp tỉnh hai bên thương lượng với nhau để xử lý; Khi biên giới của một nước có nhóm phỉ quấy nhiễu, nhóm phản cách mạng phá rối, thì cơ quan biên phòng hai bên thông báo cho

nhau để phối hợp. Khi chúng từ bên này chạy sang bên kia thì báo cho cơ quan biên phòng nước bên kia biết để điều tra, bắt giữ, khi được Trung ương hai bên phê chuẩn trao trả thì trao trả hoặc trả lại giáo hóa. Công an hai bên không được qua biên giới điều tra bắt người; Khi một nước biết có người nước mình cư trú nước bên kia là tình nghi chính trị thì thông báo cho nước ấy điều tra theo dõi. Bên nào nhận được yêu cầu thì phải điều tra theo dõi (Điều 4). Hai bên trao đổi cho nhau về tình hình có liên quan đến an toàn biên giới hai bên: Hoạt động phản cách mạng, gián điệp, biệt kích, thổ phỉ, buôn lậu, tin tức quân sự đế quốc. Điều 5 của bản Hiệp nghị nêu rõ: Công an Hà Giang, Quảng Ninh liên lạc với công an Quảng Tây. Công an Lào Cai, Lai Châu liên lạc với công an Vân Nam (3).

Tiếp đó, ngày 31-10-1963, Bộ Công an và Bộ Tổng tham mưu quân đội hai nước đã ký *"Hiệp nghị bảo vệ an ninh khu vực biên giới Việt - Trung"*. Bản Hiệp nghị năm 1963 gồm 8 Điều. Nội dung các điều như sau: Quy định khu vực biên giới 20 km (Như Hiệp nghị năm 1953); Trao đổi tình hình khu vực biên giới; Về việc hiệp đồng vây quét nhóm gián điệp biệt kích; Hiệp đồng tiêu diệt gián điệp biệt kích trong khu vực biển tiếp giáp hải phận hai nước; Xử lý nhóm gián điệp biệt kích bắt được và tang vật; Truy bắt tội phạm chạy trốn, giao nhận tội phạm; Phối hợp công tác điều tra; Bộ Tổng tham mưu quân đội hai nước kịp thời trao đổi kinh nghiệm tiêu diệt nhóm phản động biệt kích trong khu vực biên giới. Trong đó, hai bên đã thống nhất được đường dây liên lạc trực tiếp ở các trạm của mỗi nước. Phía Việt Nam có các trạm liên lạc ở khu vực A Pa Chải, Ba Nậm Cúm, Lào Cai, Mường Khương, Thanh Thủy, Săm Pun, Pò-Poo, Tào Lùng, Đồng Đăng và Móng Cái. Phía Trung Quốc có các trạm tại Đại Thanh Thủy, Na Phát, Hà Khẩu, Xín Tến, Thiên Bảo, Điên Phùng, Nhạc Vụ, Thủy Khẩu quan, Mục Nam quan, Đông Hưng (4).

Tại các cuộc hội đàm, tọa đàm cấp địa phương giữa các tỉnh biên giới Việt Nam và Trung Quốc, vấn đề hợp tác phòng và chống tội phạm là một trong những nội dung được hai bên thảo luận thường xuyên, trao đổi. Đáng chú ý là các cuộc hội đàm năm 1956, hai bên cùng trao đổi và thống nhất vấn đề trị an, quản lý biên giới; cuộc hội đàm năm 1958, hai bên trao đổi và thống nhất vấn đề liên hệ, phối hợp chống buôn lậu ở khu vực biên giới; cuộc hội đàm năm 1959, hai bên trao đổi và thống nhất vấn đề truy bắt các phần tử phản cách mạng chạy trốn sang biên giới; cuộc hội đàm năm 1965, hai bên trao đổi và thống nhất vấn đề chống buôn lậu; cuộc hội đàm năm 1976, hai bên trao đổi và thống nhất vấn đề giữ gìn trật tự biên giới...

Có thể thấy, những văn bản, Hiệp nghị hai nước đã kí kết là minh chứng rất rõ nét cho quan hệ hợp tác an ninh, quốc phòng khu vực biên giới Việt-Trung. Trên tinh thần của các Bản Hiệp nghị đã kí kết, các tỉnh biên giới Việt Nam và Trung Quốc thường xuyên qua lại, trao đổi và hợp tác trong công tác phòng và chống tội phạm ở khu vực biên giới.

3. Quan hệ hợp tác an ninh-quốc phòng khu vực biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc

Để phối hợp đấu tranh chống gián điệp đặc vụ, gián điệp biệt kích, phản động, các tỉnh biên giới Việt Nam và Trung Quốc thường xuyên gặp gỡ, trao đổi tình hình và tin tức cho nhau. Ngày 8-1-1964, Đoàn đại biểu Ủy ban Hành chính tỉnh Lai Châu và đại biểu Công an vũ trang nhận lời mời của

Ủy ban Nhân dân cách mạng châu Hồng Hà tới tham dự cuộc tọa đàm để cụ thể hóa Hiệp định ngày 16-3-1963 của Khu Tây Bắc với tỉnh Vân Nam; Ngày 18-3-1965, Đoàn đại biểu huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu đã thông báo mời Đoàn đại biểu huyện Lục Xuân-Trung Quốc tới Mường Tè để gặp mặt trao đổi nội dung liên quan đến người nhập cư nghi là phần tử phản cách của Trung Quốc chạy sang; Ngày 3-3-1966, huyện Mường Tè (Việt Nam) với huyện Giang Thanh (Trung Quốc) đã mở hội nghị trao đổi về vấn đề một số phần tử xấu, phản cách mạng đã vượt biên và đang cư trú ở nước bạn (5); Ngày 16-3-1966, đại diện của Trung Quốc sang Việt Nam trao đổi về việc giải quyết hai người phản động Trung Quốc là Khu Khai Min và Lý Khai Pha chạy sang huyện Mường Tè (Việt Nam); Ngày 28-4-1966, phía Việt Nam đã bắt giữ và trao đổi ông Lý Giang Quang người Trung Quốc vượt biên sang cư trú trái phép ở Việt Nam (6); Ngày 30-11-1966, Đoàn đại biểu huyện Sìn Hồ, Phong Thổ và đồn biên phòng Việt Nam đóng tại đây nhận lời mời sang phía Trung Quốc cùng trao đổi một số vấn đề như: Tình trạng di cư trái phép của nhân dân hai bên biên giới, trong đó có cả những phần tử xấu, phẩn tử phản cách mạng. Năm 1967, tại khu vực biên giới thuộc tỉnh Lai Châu, Việt Nam và Trung Quốc đã có 12 lần gặp gỡ trực tiếp, trong đó cấp tỉnh là 1 lần, cấp huyện là 3 lần và các đồn biên phòng là 8 lần (7). Tại tỉnh Cao Bằng, năm 1971, Việt Nam có 17 lần sang trao đổi với Trung Quốc và Trung Quốc có 9 lần sang trao đổi với Việt Nam (8). Tỉnh Lào Cai, từ năm 1964 đến năm 1967, giữa các địa phương của hai bên đã có 396 lần trao đổi với nhau.

Ngoài ra, đồn biên phòng hai bên cũng thường xuyên phối hợp trao đổi tài liệu, cùng đấu tranh chống lại những phần tử ảnh hưởng đến an ninh-quốc phòng hai nước. Tháng 3-1967, cán bộ đồn biên phòng Trà Lĩnh (Việt Nam) sang trao đổi với đồn biên phòng Long Bang (Trung Quốc) về việc yêu cầu điều tra một số phần tử Trung Quốc đón đường, cướp súng của cán bộ Việt Nam; Tháng 5-1968, cán bộ đồn Trà Lĩnh (Việt Nam) hai lần sang trao đổi với đồn Long Bang (Trung Quốc) về việc đề nghị phía Trung Quốc cung cấp tài liệu của một người phản cách mạng Việt Nam; Tháng 2-1969, cán bộ đồn Bách Nam (Trung Quốc) sang trao đổi với đồn Nặm Quét (Việt Nam) về việc đề nghị Việt Nam cung cấp tài liệu của một phần tử phản cách mạng Trung Quốc chạy sang biên giới Việt Nam; Tháng 4-1970, cán bộ đồn Bách Nam (Trung Quốc) sang trao đổi với đồn Nặm Quét (Việt Nam) về việc cung cấp tài liệu của một phần tử phản cách mạng Trung Quốc chạy sang biên giới Việt Nam (9)...

Trên thực tế, mỗi khi một trong hai bên bắt được những người vượt biên trái phép nghi là phần tử xấu, phần tử phản động, tội phạm thì đều trao trả cho nước bạn. Năm 1961, lực lượng công an nhân dân vũ trang Cao Bằng, Lạng Sơn đã trao trả cho Trung Quốc 100 người và hơn 100 tên phỉ, đặc vụ, phản cách mạng (10). Trong số những người vượt biên trái phép sang biên giới Việt Nam, năm 1968, phía Việt Nam xác minh có 9 người là đặc vụ, 25 người nghi vấn là đặc vụ, 250 người thuộc nhóm phản cách mạng Trung Quốc. Phía Việt Nam đã bắt và trao trả cho phía Trung Quốc 42 người. Trên tuyến biên giới Việt-Trung có 4 vụ là hoạt động gián điệp (Hà Giang có 2 vụ, Lai Châu có 1 vụ và Lạng Sơn có 1 vụ). 26 vụ nghi là đặc vụ cũ (Quảng Ninh có 2 vụ, Cao Bằng có 5 vụ, Hà Giang có 1 vụ, Lào Cai có 10 vụ và Lạng Sơn có 1 vụ) và 4 nhóm phản động ở Lạng Sơn, Hà Giang, Cao Bằng, Quảng Ninh (11). Hàng

năm, lợi dụng tình hình khó khăn, phức tạp, các nhóm phản động vẫn đem vũ khí trái phép qua biên giới vào Việt Nam. Từ năm 1972 đến năm 1975, lực lượng biên phòng tỉnh Cao-Lạng đã bắt giữ hơn 25 súng các loại, 6 hộp kíp nổ, 90 hộp kíp đạn, 297 đạn, 10 dao găm, 50 vỏ đạn đồng súng săn, 300 vỏ đạn thể thao (12). Ở Hà Giang, đã nhặt được 8 quyển sổ có cờ hiệu triệu của Tưởng Giới Thạch, nội dung kêu gọi "thanh niên chống cộng". Ở Lạng Sơn, Cao Bằng và Hà Giang, nhóm phản cách mạng rải truyền đơn kêu gọi thanh niên Trung Quốc chống lại tư tưởng Mao Trạch Đông. Tháng 3-1968, phía Việt Nam phát hiện một lá thư ngỏ của Tưởng Giới Thạch gửi thanh niên Trung Quốc cũng có nội dung chống lại tư tưởng Mao Trạch Đông. Chính phủ Việt Nam đã trao đổi với Chính phủ Trung Quốc về vấn đề này.

Về công tác chống buôn lậu, trộm cắp, nghiện hút, ngoài đối tượng là tội phạm chuyên tổ chức buôn lậu, còn có cả người dân biên giới hai bên vẫn lén lút buôn bán trâu, ngựa, vàng lá, thuốc phiện, tiền nhân dân tệ, hàng xa xỉ phẩm... Nhân dân khu vực biên giới Việt Nam thường vượt biên sang biên giới Trung Quốc mua hàng tiêu dùng như: đèn pin, nước hoa, thuốc nổ, thuốc phiện... để về bán kiếm lời, khi qua trạm kiểm soát không khai báo. Nhân dân biên giới Trung Quốc cũng thường vượt biên sang mua trâu, ngựa, vàng lá và nông-lâm sản của Việt Nam. Có nhiều nơi hình thành các nhóm nhỏ hoạt động buôn lậu. Tính riêng năm 1965, tại cửa khẩu đồn biên phòng Việt Nam đã bắt giữ 9 vụ gồm 13 người buôn lậu trái phép, cả người Việt Nam và người Trung Quốc. Các loại hàng gồm những thứ như sau: 8 lọ nước hoa, 3 cái đèn pin, 9 đôi pin đèn, thuốc phiện khoảng 5 cân, 5 gói thuốc nổ là 4 đồng nhân dân tệ (13). Năm 1969, ở khu vực Đồng Văn thuộc tỉnh Hà Giang lực lượng bộ đội biên phòng đã bắt được 35 vụ đưa hàng lậu qua biên giới, trị giá 283 đồng. Phát hiện và bắt giữ 2 người vượt biên trái phép mang theo 22 viên đạn 7 ly, mang theo cả thuốc phiện (14). Tình trạng vượt biên sang Việt Nam không có giấy tờ thường xuyên xảy ra. Đối với những mặt hàng thuốc nổ là hàng quân sự đã bị tịch thu tại chỗ.

Thống kê kết quả trấn áp phần tử phản cách mạng và đấu tranh chống tội phạm hình sự hơn 10 năm (1959-1972) ở Lai Châu như sau: Xử lý đối sách 208 đối tượng, bắt trả Trung Quốc 40 người, bắt xử lý tại chỗ 2 người, xử lý theo pháp luật 36 người, cải tạo tập trung 60 người, cải tạo tại chỗ 36 người, bắt tù tội hình sự 36 người, đẩy đuổi 1 người. Đối với nhóm tội phạm bắt bỏ tù 36 người, cải tạo tại chỗ 35 người. Về các đối tượng nghiện hút, năm cao nhất có 509 người, năm 1972 còn 136 người. Về nạn trộm cắp, năm cao nhất là 1967 có 213 vụ, đến năm 1972 còn 89 vụ. Về nạn cờ bạc, năm cao nhất 25 vụ đến 1972 còn 5 vụ (15).

Tại tỉnh Lạng Sơn, năm 1962 phía Việt Nam đã bắt và trao trả 33 người Trung Quốc là phần tử phản cách mạng và phần tử xấu vượt biên trốn sang Việt Nam. Năm 1963, phía Việt Nam bắt và trao trả 21 người cho phía Trung Quốc. Cũng trong năm 1963, ở khoảng cột mốc số 6-7, phía Việt Nam đã bắt và trao trả 2 người dân Trung Quốc trộm trâu đem sang biên giới Việt Nam bán. Tháng 10-1964, có 2 vụ người Việt Nam sang trộm trâu của người dân Trung Quốc bị chính quyền Việt Nam bắt và trả lại trâu cho người dân Trung Quốc. Năm 1964, phía Việt Nam cũng bắt và trao trả 11 người cho phía Trung Quốc (16). Trong 3 năm (1963-1965), phía Việt Nam đã bắt được 741 vụ hàng hóa xuất

nhập lậu và buôn lậu tiền tệ. Cuối năm 1963 đầu năm 1964, Trung Quốc đã trao trả cho Việt Nam trên 20 con trâu bò xuất nhập lậu trái phép qua biên giới Trung Quốc (17). Những con số kể trên là chưa kể số buôn lậu, trộm cắp thuộc nội địa bắt được.

Tỉnh Hoàng Liên Sơn (18), năm 1977, xảy ra 150 vụ, bao gồm: 4 vụ án mạng, 12 vụ cháy nhà, 53 vụ trộm cắp, 3 vụ săn bắn, 9 vụ cờ bạc, 7 vụ buôn lậu, 62 vụ vượt biên sang phía Việt Nam (19). Tại tỉnh Hà Tuyên (20), tình trạng buôn bán lương thực thực phẩm qua nước ngoài cũng diễn ra thường xuyên. Năm 1977, số lương thực buôn bán ra biên giới là 1.143 kg; thịt lợn hơi 80 kg; chè 51 kg; mì chính 1 kg; tiền Việt Nam 780 kg, tiền Trung Quốc 84 đồng, ngoài ra còn chăn len, bóng đèn, áo sợi (21).

Tại Cao Bằng, một số người dân biên giới vẫn lén lút buôn bán trâu, ngựa, vàng lá, thuốc phiện, nhân dân tệ, hàng xa xỉ phẩm... Có nhiều nơi hình thành các nhóm nhỏ hoạt động buôn lậu. Các đồn biên phòng tỉnh Cao Bằng (Việt Nam) và Quảng Tây của Trung Quốc vẫn thường xuyên trao đổi phối hợp với nhau, ví dụ như: Tháng 2-1965, đồn biên phòng Trà Lĩnh (Việt Nam) trao đổi với đồn biên phòng Long Bang (Trung Quốc) báo cáo về việc phía Việt Nam có một người dân bị mất trộm, kẻ trộm là một người dân Trung Quốc. Sau khi điều tra, phía Trung Quốc đã trao trả cho phía Việt Nam đồ bị lấy cắp; Tháng 12-1967, nhân dân biên giới thuộc hợp tác xã Nà Thẩm (Việt Nam) mất 3 con trâu và đã xác minh trâu được đưa sang biên giới Trung Quốc để bán. Phía Việt Nam sang trao đổi với phía Trung Quốc về vấn đề trên. Sau 2 ngày, phía Trung Quốc đã bắt được và đem qua đồn Tà Lùng (Việt Nam) trao trả cho Việt Nam; Ngày 16-8-1969, đồn biên phòng Khoa Giáp (Trung Quốc) sang trao đổi với đồn Bí Hà (Việt Nam) về việc phía công xã Vũ Đức (Trung Quốc) mất 1 con ngựa, đã đem qua biên giới Việt Nam bán, phía Trung Quốc đề nghị phía Việt Nam phối hợp điều tra. Đến ngày 18-8-1969, phía Việt Nam đã bắt được và đem trao trả cho phía Trung Quốc (22).

Trong thời gian từ năm 1965 đến năm 1977, riêng khu vực biên giới thuộc tỉnh Cao Bằng, các đối tượng xấu chạy sang biên giới Việt Nam đã được phía Việt Nam trao trả cho Trung Quốc tại cửa khẩu 118 lần và 177 người. Phía Trung Quốc trao trả cho Việt Nam 17 lần và 21 người (*Xem bảng 1*).

Bảng 1: Phối hợp truy bắt tội phạm của các đồn biên phòng Việt Nam và Trung Quốc tại tỉnh Cao Bằng (1965-1979)

(Đơn vị: Người)

Cửa khẩu	Việt Nam bắt trao trả Trung Quốc		Trung Quốc bắt trao trả Việt Nam	
	Số lần	Số người	Số lần	Số người
Tà Lùng	19	23	5	8
Bí Hà	11	19	4	5
Lý Vạn				
Pò Peo	9	9	1	1
Trà Lĩnh	21	67	3	3
Nậm Nhũng	31	31	2	2
Sóc Giang	4	5	1	1
Bó Gai				
Nậm Quét	23	23	1	1
Cốc Bàng				

Nguồn: *Báo cáo kết quả tình hình chấp hành hiệp định, hiệp nghị khu vực biên giới Việt-Trung tuyến biên giới tỉnh Cao Bằng năm 1971*, S 437, H 48.

Hợp tác đấu tranh tiễu phỉ cũng là một hoạt động quan trọng mà hai nước cùng phối hợp thực hiện. Điển hình là dọc biên giới thuộc tỉnh Hà Giang và Lào Cai là những nơi thổ phỉ hoạt động mạnh nhất khu vực biên giới Việt-Trung. Năm 1952, ở vùng biên giới thuộc tỉnh Hà Giang, Lào Cai, thực dân Pháp và đế quốc Mỹ đã xây dựng và nuôi dưỡng một lực lượng thổ phỉ gần 6.000 tên (23). Nhóm này còn được trang bị vũ khí, lương thực với mục đích chính trị chống phá cách mạng Việt Nam. Tại khu vực biên giới thuộc tỉnh Hà Giang có trên 2.000 thổ phỉ (24) hoạt động và

thường xuyên gây ra các hoạt động khủng bố, cướp bóc, giết người. Nhóm còn nêu khẩu hiệu "tự trị", lập ra "Xứ Mèo tự trị" ở Đồng Văn, Yên Minh, Mèo Vạc. Năm 1952, hai tỉnh Hà Giang và Lào Cai (Việt Nam) phối hợp với Sư đoàn 302 Giải phóng quân Trung Quốc mở chiến dịch tiễu phỉ. Kết quả đã tiêu diệt và làm tan rã trên 3.000 tên thổ phỉ, thu được 2.543 súng các loại và hàng chục tấn đạn dược, quân trang quân dụng (25). Đến tháng 1-1954, tỉnh Lào Cai mở tiếp chiến dịch tiễu phỉ miền Tây. Lực lượng vũ trang tỉnh Lào Cai đã tiêu diệt, bắt sống và gọi hàng được 689 tên thổ phỉ, thu 386 súng các loại, 50 tấn quân trang, quân dụng, làm chủ được các huyện Sa Pa, Mường Vi, Tam Đường, đánh tan các ổ thổ phỉ dọc tuyến đường Lào Cai và Lai Châu (26). Cũng cuối năm 1954, lực lượng vũ trang của tỉnh Hà Giang đã đánh bật gần 1.000 thổ phỉ khỏi địa bàn buộc chúng phải chuyển sang hoạt động phân tán, nhỏ lẻ ở vùng núi Tây Côn Lĩnh. Đến năm 1962, công tác tiễu phỉ đã thành công hoàn toàn ở Hà Giang.

4. Nhận xét

Thứ nhất, vào những thập niên nửa cuối của thế kỉ XX, tình hình thế giới diễn biến phức tạp: mâu thuẫn Xô - Trung, hòa hoãn Mỹ - Trung, quan hệ Việt Nam - Trung Quốc chịu sự tác động và chi phối mạnh mẽ của quan hệ quốc tế và sự xung đột của lợi ích quốc gia. Điều này đã hạn chế quan hệ hợp tác biên giới Việt Nam và Trung Quốc trên rất nhiều lĩnh vực. Trong bối cảnh đó, hợp tác an ninh-quốc phòng ở khu vực biên giới đã trở thành một "điểm sáng" trong quan hệ Việt Nam và Trung Quốc. Một số văn bản, Hiệp nghị về an ninh biên giới đã được hai nước kí kết. Đây là một thắng lợi lớn về mặt ngoại giao của hai Nhà nước.

Thứ hai, hợp tác phòng và chống tội phạm ở khu vực biên giới Việt-Trung thời kỳ này là một trong những quan hệ nổi bật trong lĩnh vực hợp tác an ninh-quốc phòng của Việt Nam và Trung Quốc. Do bất đồng về lợi ích, Việt Nam và Trung Quốc đã không tìm được tiếng nói chung ở nhiều lĩnh vực, nhưng trong vấn đề hợp tác phòng và chống tội phạm ở khu vực biên giới, Việt Nam và Trung Quốc đã có được nhiều điểm đồng thuận. Điều này khẳng định, vì lợi ích của mỗi nước, cả Việt Nam và Trung Quốc đều có nhu cầu quan hệ hợp tác, không chỉ riêng lĩnh vực an ninh-quốc phòng, phòng và chống tội phạm ở khu vực biên giới, mà ở tất cả các lĩnh vực, từ chính trị-ngoại giao đến kinh tế-xã hội.

Thứ ba, hiện nay, hoạt động của tội phạm, phần tử xấu ở khu vực biên giới ngày càng diễn biến phức tạp và tinh vi hơn, đòi hỏi Việt Nam và Trung Quốc tăng cường hơn nữa việc hợp tác để giữ gìn trật tự, an ninh biên giới. Công tác phòng và chống tội phạm biên giới Việt - Trung vẫn luôn là vấn đề nóng của cả hai nước. Từ những thành quả mà hai nước đã đạt được trong lĩnh vực phòng và chống tội phạm, giữ gìn an ninh - quốc phòng khu vực biên giới từ năm 1950 đến năm 1979 là cơ sở để cả hai nước tiếp tục hợp tác trong phòng và chống tội phạm khu vực biên giới Việt - Trung trong giai đoạn hiện nay.

CHÚ THÍCH

(1). Ngày nay biên giới Việt-Trung bao gồm 7 tỉnh sau: Cao Bằng, Lạng Sơn, Lào Cai, Hà Giang, Quảng Ninh, Lai Châu và Điện Biên. Trong đó, tỉnh Điện Biên (huyện Mường Nhé) giáp với tỉnh Vân Nam của Trung Quốc. Tỉnh Lai Châu (bao gồm: huyện Mường Tè, huyện Sìn Hồ, huyện

Phong Thổ, huyện Nậm Nhùn) giáp với tỉnh Vân Nam của Trung Quốc. Tỉnh Lào Cai (bao gồm: huyện Bát Xát, huyện Bảo Thắng, huyện Mường Khương, huyện Si Ma Cai, huyện Lào Cai) giáp với tỉnh Vân Nam của Trung Quốc. Tỉnh Hà Giang (bao gồm: huyện Xín Mần, huyện Hoàng Su Phì, huyện Vị Xuyên, huyện Quản Bạ, huyện Yên Minh, huyện Đồng Văn, huyện Mèo Vạc) giáp với tỉnh Vân Nam và tỉnh Quảng Tây của Trung Quốc. Tỉnh Cao Bằng (bao gồm: huyện Bảo Lâm, huyện Bảo Lạc, huyện Thông Nông, huyện Hà Quảng, huyện Trà Lĩnh, huyện Trùng Khánh, huyện Hạ Lang, huyện Phục Hòa, huyện Thạch An) giáp với tỉnh Quảng Tây của Trung Quốc. Tỉnh Lạng Sơn (bao gồm: huyện Cao Lộc, huyện Lộc Bình, huyện Tràng Định, huyện Văn Lãng) giáp với tỉnh Quảng Tây của Trung Quốc. Tỉnh Quảng Ninh (bao gồm: huyện Bình Liêu, huyện Hải Hà, huyện Móng Cái) giáp với tỉnh Quảng Tây của Trung Quốc.

(2). Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng: *Lịch sử bộ đội biên phòng*, Nxb. Công an Nhân dân, Hà Nội, 1990, tập 1, tr. 72.

(3). *Tóm tắt Hội nghị phối hợp công tác biên phòng giữa hai nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, kí năm 1953*, S 229, H 19.

(4). *Tóm tắt Hiệp nghị bảo vệ an ninh khu vực biên giới Việt - Trung do bộ công an và bộ tổng tham mưu quân đội 2 nước ngày 31-10-1963*, S 229, H 19.

(5). *Báo cáo kết quả tình hình chấp hành hiệp định, hiệp nghị khu vực biên giới Việt-Trung tuyến biên giới tỉnh Cao Bằng năm 1971*, S 437, H 48.

(6), (7). *Báo cáo chuyên đề về công tác kiểm soát hành chính tỉnh Lai Châu*, S 156, H 29.

(8), (9). *Báo cáo kết quả tình hình chấp hành hiệp định, hiệp nghị khu vực biên giới Việt-Trung tuyến biên giới tỉnh Cao Bằng năm 1971*, S 437, H. 48.

(10). Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng: *Lịch sử bộ đội biên phòng*, Nxb. Công an Nhân dân, Hà Nội, 1990, tập 1, tr. 73.

(11). *Một số tình hình về hoạt động của nhóm đặc vụ, nhóm phản cách mạng và những vấn đề xảy ra xung quanh việc thực hiện hiệp định, nghị định về biên giới giữa ta và bạn ở biên giới Việt-Trung trong thời gian từ năm 1968 đến năm 1969*, S 157, H 29.

(12). *Báo cáo tổng kết công tác kiểm soát xuất nhập biên của tỉnh Cao-Lạng năm 1977*, S 594, H 65.

(13). *Báo cáo chuyên đề về công tác kiểm soát hành chính tỉnh Lai Châu*, S 156, H 29.

(14). *Tổng kết công tác quản lý hành chính tỉnh Hà Giang*, S 156, H 29.

(15). *Dự thảo đề cương tổng kết công tác bảo vệ biên giới (1959-1972)*, S 412, H 46.

(16). *Tình hình chấp hành công tác biên giới giữa khu tự trị dân tộc Choang-Quảng Tây và Lạng Sơn-Việt Nam năm 1965*, S 159, H 29.

(17). *Tổng hợp tình hình biên giới tỉnh Lạng Sơn năm 1965*, S 159, H 29.

(18). Năm 1977, tỉnh Lào Cai nhập với tỉnh Yên Bái và tỉnh Nghĩa Lộ lấy tên là tỉnh Hoàng Liên Sơn.

(19). *Báo cáo tổng kết công tác quản lý hành chính, quản lý biên giới năm 1977 của tỉnh Hoàng Liên Sơn*, S 420, H 47.

(20). Năm 1977, tỉnh Hà Giang và Tuyên Quang nhập tỉnh có tên là Hà Tuyên.

(21). *Báo cáo tổng kết công tác quản lý kiểm soát biên giới năm 1977 của tỉnh Hà Tuyên*, S 420, H 47.

(22). *Báo cáo kết quả tình hình chấp hành hiệp định, hiệp nghị khu vực biên giới Việt-Trung tuyến biên giới tỉnh Cao Bằng năm 1971*, S 437, H 48.

(23). Hoàng Minh Nhất: *Công tác tiễu phỉ ở Hà Giang (1947-1962), những thành công và bài học lớn*, Tạp chí *Lịch sử Quân sự*, số 177, tháng 9-2006, tr. 16.

(24). Hoàng Minh Nhất: *Công tác tiễu phỉ ở Hà Giang (1947-1962), những thành công và bài học lớn*, Tạp chí *Lịch sử Quân sự*, số 177, tháng 9-2006, tr. 17.

(25), (26). Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Lào Cai: *Tổng kết công tác tiễu phỉ trên địa bàn tỉnh Lào Cai*, Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 1999, tr. 40, 49.